

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
ĐƠN VỊ:

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 1, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng		
Mã học phần:	231_DQT0123_02	Số tin chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:			
Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>75</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
  - + **Mã học phần**\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1
  - + **Mã học phần**\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1\_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Hiểu và trình bày được khái quát về chuỗi cung ứng và quản lý chuỗi cung ứng. Lợi thế cạnh tranh. Chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng tích hợp	Trắc nghiệm	20	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10	2	
CLO2	Hiểu và trình bày được cân đối giữa cung và cầu: dự báo công suất, thực hiện theo nhu cầu, quản lý nhu cầu và lập kế hoạch	Trắc nghiệm, tự luận	30	Trắc nghiệm: 11, 12, 13, 14, 15 Tự luận: câu 1	Trắc nghiệm: 1.5 Tự luận: 1.5	
CLO3	Hiểu và trình bày được Lean, Agile. Chiến lược ‘đẩy’ sản phẩm và ‘kéo’ nhu cầu	Trắc nghiệm, tự luận	30	Trắc nghiệm: 16, 17, 18, 19, 20 Tự luận: câu 2	Trắc nghiệm: 1.5 Tự luận: 1.5	
CLO4	Hiểu và trình bày được quản trị rủi ro trong chuỗi cung ứng: hiểu rõ các rủi ro trong chuỗi cung ứng, quản lý rủi ro trong chuỗi cung ứng	Tự luận	20	Tự luận: câu 3	2	

### Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đề án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

### III. Nội dung câu hỏi thi

#### Ví dụ:

#### **PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu, 0.2điểm/câu 1-10; 0.3điểm/câu 11-20)**

##### **Câu 1:** Mô hình 3C

- A. Khách hàng, công ty, đối thủ cạnh tranh
- B. Khách hàng, đối thủ cạnh tranh, nhà cung cấp
- C. Khách hàng, người tiêu dùng, nhà cung cấp
- D. Tất cả các đáp án đúng

ANSWER: A

##### **Câu 2:** Nguồn gốc của lợi thế cạnh tranh

- A. C và D đúng
- B. Lợi thế về mẫu mã
- C. Lợi thế về chi phí
- D. Lợi thế về giá trị

ANSWER: A

##### **Câu 3:** Chuỗi giá trị của PORTER

- A. Các hoạt động chính và Các hoạt động hỗ trợ
- B. Các hoạt động chính
- C. Các hoạt động hỗ trợ
- D. Tất cả các đáp án đúng

ANSWER: A

##### **Câu 4:** Quản lý '4Rs' nghĩa là

- A. Responsiveness - Khả năng đáp ứng; Reliability – Độ tin cậy; Resilience – Độ đàn hồi; và Relationships – Các mối quan hệ
- B. Reliability – Độ tin cậy
- C. Resilience – Độ đàn hồi
- D. Relationships – Các mối quan hệ

ANSWER: A

**Câu 5:** Trong phạm vi chương trình học, có mấy chiến lược chuỗi cung ứng

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

ANSWER: A

**Câu 6:** Khi nói đến chiến lược Lean, hiểu là

- A. Cắt giảm lãng phí trong khi đảm bảo chất lượng
- B. Tăng chất lượng
- C. Giảm chi phí
- D. Toàn bộ các đáp án đúng

ANSWER: A

**Câu 7:** Chỉ số ROI (Return on investment) có nhiều cách hiểu, chẳng hạn

- A. Lợi nhuận trên vốn đầu tư
- B. Lợi nhuận trên tài sản cố định
- C. Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
- D. Toàn bộ các đáp án đúng

ANSWER: A

**Câu 8:** Hàng tồn kho được hiểu là tài sản hiện tại của một công ty, vậy theo Em hàng tồn kho nhiều cho thấy hiện trạng công ty

- A. Nhìn chung là xấu
- B. Nhìn chung là tốt
- C. Cả xấu và tốt
- D. Tùy từng trường hợp

ANSWER: A

**Câu 9:** Trong phạm vi chương trình học, tiền mặt hiểu là

- A. Tài sản ngắn hạn
- B. Tài sản dài hạn
- C. Tài sản lưu động
- D. Toàn bộ các đáp án đúng

ANSWER: A

**Câu 10:** Nhìn chung hệ thống logistics của bất kỳ doanh nghiệp nào thường sẽ sử dụng

- A. Nhiều tài sản cố định
- B. Nhiều tài sản lưu động
- C. Nhiều dòng vốn kinh doanh
- D. Toàn bộ các đáp án đúng

ANSWER: A

**Câu 11:** Các động lực ảnh hưởng tới giá trị cổ đông, chẳng hạn như

- A. Toàn bộ các đáp án đúng
- B. Tăng trưởng doanh thu
- C. Giảm chi phí vận hành

A. Hiệu quả sử dụng vốn cố định

ANSWER: A

**Câu 12:** Có mấy giai đoạn trong việc thực hiện một quy trình chi phí định hướng nhiệm vụ hiệu quả

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

ANSWER: A

**Câu 13:** Mục tiêu của quản lý chuỗi cung ứng là cố gắng

A. Khớp cung và cầu

B. Thoả mãn nhu cầu khách hàng

C. Đưa được càng nhiều hàng ra thị trường càng tốt

D. Sản xuất càng nhiều hàng ra thị trường càng tốt

ANSWER: A

**Câu 14:** Nhìn chung, các dự báo đều dễ bị sai sót và thời gian dự báo càng xa thì

A. Sai số càng lớn

B. Sai số càng nhỏ

C. Sai số càng biến động

D. Tùy từng trường hợp

ANSWER: A

**Câu 15:** Trong phạm vi chương trình học, chu kỳ đặt hàng của khách hàng đề cập đến

A. Khoảng thời gian mà khách hàng sẵn sàng chờ đợi, từ khi đặt hàng cho đến khi nhận được hàng

B. Khoảng thời gian từ khi công ty nhận được đơn hàng đến khi giao hàng

C. Khoảng thời gian từ khi khách hàng gửi đơn hàng đến khi nhận được hàng

E. Toàn bộ các đáp án đúng

ANSWER: A

**Câu 16:** Điểm tựa chuỗi cung ứng là

A. Điểm mà tại đó cam kết tìm nguồn, sản xuất, vận chuyển sản phẩm ở dạng cuối cùng và là nơi các quyết định về khối lượng và hỗn hợp được đưa ra

B. Điểm mà cam kết cung đáp ứng đủ cho cầu

C. Điểm mà cam kết cung thoả mãn cầu

D. Toàn bộ các đáp án đúng

ANSWER: A

**Câu 17:** SKU (Stock Keeping Unit), hiểu là

A. Đơn vị quản lý hàng tồn kho

B. Đơn vị quản lý nguyên vật liệu tồn kho

C. Đơn vị quản lý thành phẩm tồn kho

D. Các đáp án đều đúng

ANSWER: A

**Câu 18:** Xu hướng toàn cầu hóa trong chuỗi cung ứng, sẽ dẫn đến

- A. Chi phí sản xuất giảm
- B. Chi phí sản xuất tăng
- C. Chi phí sản xuất biến động
- D. Các đáp án đều đúng

ANSWER: A

**Câu 19:** Doanh nghiệp toàn cầu, được hiểu là

- A. Thường sẽ có nhiều địa điểm lắp ráp hoặc sản xuất phân tán về mặt địa lý
- B. Thường sẽ có ít địa điểm lắp ráp hoặc sản xuất phân tán về mặt địa lý
- C. Thường sẽ tập trung địa điểm lắp ráp hoặc sản xuất phân tán về mặt địa lý
- D. Tùy từng trường hợp

ANSWER: A

**Câu 20:** Tồn kho tập trung, sẽ dẫn đến

- A. Chi phí vận chuyển cao hơn
- B. Chi phí vận chuyển thấp hơn
- C. Chi phí vận chuyển biến động
- D. Tùy từng trường hợp

ANSWER: A

### **PHẦN TỰ LUẬN (3 câu hỏi, 1,5điểm/ câu 1; 1,5điểm/câu 2; 2điểm/ câu 3)**

#### **Câu hỏi 1: (1,5 điểm)**

Xu hướng toàn cầu hóa trong chuỗi cung ứng nhằm đạt được giảm chi phí mua nguyên phụ liệu đầu vào và giảm chi phí sản xuất. Tuy nhiên chi phí tồn kho có xu hướng biến động và chi phí vận tải tăng theo đường thẳng.

**Câu hỏi:** Theo Em, có nên đẩy mạnh toàn cầu hóa trong chuỗi cung ứng không?, tại sao?

#### **Câu hỏi 2: (1,5điểm)**

Nguồn gốc của lợi thế cạnh tranh là khả năng tạo ra sự khác biệt trong mắt khách hàng so với đối thủ cạnh tranh. Như vậy, có thể hiểu các công ty thành công hoặc có lợi thế về chi phí hoặc có lợi thế về giá trị, hoặc là sự kết hợp của cả hai.

**Câu hỏi:** Nói đến lợi thế về chi phí và lợi thế về giá trị, Em liên tưởng đến chiến lược nào?, trình bày ngắn gọn nhiên lược Em vừa nêu.

#### **Câu hỏi 3: (2điểm)**

Có mấy bước quản lý rủi ro trong chuỗi cung ứng, trình bày tên từng bước. Theo Em bước nào quan trọng nhất, tại sao?

---

### **ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM**

Phân câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Trắc nghiệm</b>		<b>5.0</b>	
Câu 1 – 10		2.0	
Câu 11 – 20		3.0	
<b>II. Tự luận</b>		<b>5.0</b>	
<b>Câu 1</b>	.....	1.5	
Nội dung a	Có	1	
Nội dung b	Tuỳ theo nội dung giải thích hợp lý theo kiến thức đã học mà cán bộ chấm thi cho điểm	0.5	
<b>Câu 2</b>	.....	1.5	
Nội dung a	Lean	1	
Nội dung b	Tập trung vào việc cắt giảm lãng phí trong khi đảm bảo chất lượng.....	0.5	
<b>Câu 3</b>		2	
Nội dung a	7 bước (Bước 1: Hiểu chuỗi cung ứng; Bước 2: Cải thiện chuỗi cung ứng; Bước 3: Xác định các ‘con đường’ quan trọng; Bước 4: Quản lý các đường dẫn quan trọng; Bước 5: Cải thiện khả năng hiển thị mạng lưới; Bước 6: Thiết lập một nhóm chuỗi cung ứng liên tục; Bước 7: Làm việc với nhà cung cấp và khách hàng)	1.5	
Nội dung b	Tuỳ theo nội dung giải thích hợp lý theo kiến thức đã học mà cán bộ chấm thi cho điểm	0.5	
<b>Điểm tổng</b>		<b>10.0</b>	

Người duyệt đề

**Nguyễn Viết Tịnh**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2023

Giảng viên ra đề



**Vũ Thị Kim Hanh**